

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 22 - 5 - 2024  
V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Du Thanh Nguyễn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Việt Bắc

Bà Lê Thị Quyên

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Yến Ngọc – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2023/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Hiền S**, sinh năm 1994.

Địa chỉ cư trú: **Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau** (có mặt).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm 1994.

Địa chỉ cư trú: **Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau** (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/11/2023 và tại phiên tòa ông **Lê Hiền S** trình bày:*

Về hôn nhân: Ông **S** và bà **T** tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T, huyện C, tỉnh Cà Mau**, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong hôn nhân, xảy ra cự cãi nên bà **T** về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 10 năm 2023 đến nay, ông **S** yêu cầu được ly hôn với bà **T**.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Có 16 chỉ vàng 24k vợ chồng cùng bán chi xài chung và làm chi phí cho bà **T** đi học nghề hết 02 chỉ, bị mất 01 chỉ, còn lại 13 chỉ, bà **T**

đang quản lý, yêu cầu chia đôi . Ngoài ra còn có 01 chỉ vàng 18k, hiện tại bà T quản lý 1 đôi bông tai, 1 chiếc nhẫn cưới, ông S quản lý 1 chiếc nhẫn cưới, số vàng này không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa ông S trình bày: Bà T có đi học nghề làm Noel chi phí khoản mười mấy triệu; 02 chỉ vàng 24k vợ chồng cùng thống nhất bán mục đích là để cho bà T đi học nghề; còn lại 13 chỉ vàng 24k bà T còn quản lý, bà T trình bày đã bán hết ông không biết, Ông S yêu cầu được chia 6, 5 chỉ vàng 24k.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông S tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau, trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong hôn nhân, mâu thuẫn với cha mẹ chồng, chồng không thương, không quan tâm nên bà T về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 10 năm 2023 đến nay, ông S kiên quyết ly hôn thì bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Có 16 chỉ vàng 24 k và 01 chỉ vàng 18k. Hiện tại bà còn quản lý 1 đôi bông tai, 1 chiếc nhẫn cưới, ông S quản lý 1 chiếc nhẫn cưới, số vàng này tổng cộng là 1 chỉ vàng 18k; riêng 16 chỉ vàng 24k, bà T và ông S cùng thống nhất bán chi xài 02 chỉ, bị mất 01 chỉ, còn lại 13 chỉ, bà bán đi học N (làm móng tay, chân, gội đầu dưỡng sinh), trị bệnh và trong thời gian ly thân nên đã bán hết 13 chỉ vàng 24k.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa bà T trình bày việc bán hết số vàng 13 chỉ không có báo với ông S vì lúc đó vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, việc bà đi học nghề làm Noel ngoài học phí còn phải mua thêm dụng cụ để học, bà không đồng ý chia vàng theo yêu cầu của ông S.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Hiền S và bà Nguyễn Thị Cẩm T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa ông S với bà T là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa ông S với bà T đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên không còn chung sống với nhau; theo quy định

của pháp luật vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau; ông S và bà T cùng thống nhất ly hôn. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông S với bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho ông S và bà T ly hôn.

[3] Về con chung: Ông S và bà T xác định không có nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông S và bà T còn tranh chấp 13 chỉ vàng 24k, ông S yêu cầu được chia 6,5 chỉ vàng 24k, số vàng này ông S xác định bà T quản lý. Bà T xác định có quản lý 13 chỉ vàng 24k nhưng đã bán hết để đi học nghề và chi xài cho cá nhân hết, việc bà T sử dụng hết số vàng này bà T xác định không có báo cho ông S biết. Ông S xác định bà T có đi học nghề làm noel, ông và bà T có thống nhất bán 02 chỉ vàng 24 để bà T làm chi phí đi học nhưng không liên quan đến số vàng 13 chỉ này. Việc bà T xác định bán hết 13 chỉ vàng 24k không được ông S đồng ý, bà T cũng không có gì chứng minh việc sử dụng 13 chỉ vàng 24k vào mục đích chung của vợ chồng. Tuy nhiên, ông S và bà T cùng thống nhất bà T có đi học nghề nên chấp nhận bà T được sử dụng 01 chỉ vàng 24k trong số 13 chỉ vàng 24 k ông S yêu cầu chia để mua các dụng cụ phục vụ cho học nghề, còn lại 12 chỉ vàng 24 k chia đôi, ông S được chia 6 chỉ vàng 24k, bà T được chia 6 chỉ vàng 24k, bà T có trách nhiệm giao lại cho ông S 6 chỉ vàng 24k.

[5] Về nợ chung: Ông S và bà T xác định không có nên không xem xét.

[6] Về án phí:

Ông Lê Hiền S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 và án phí có giá ngạch đối với số vàng được chia 6 chỉ vàng 24k (giá 7.630.000 đồng/chỉ) với số tiền là 2.289.000 đồng, tổng cộng ông S phải chịu án phí với số tiền 2.589.000 đồng, ông S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.548.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006004 ngày 07/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyên thu, ông S phải nộp tiếp số tiền 1.041.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí có giá ngạch đối với số vàng được chia là 6 chỉ vàng 24k với số tiền là 2.289.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản khoản 2, khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều

273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56 ; Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông **Lê Hiền S** với bà **Nguyễn Thị Cẩm T**.

- Về tài sản chung:

+ Ông **Lê Hiền S** được chia 06 (sáu) chỉ vàng 24k, số vàng chia cho ông **S** bà **T** quản lý, buộc bà **T** có nghĩa vụ giao lại cho ông **S**.

+ Bà **Nguyễn Thị Cẩm T** được chia 06 (sáu) chỉ vàng 24k, bà **T** đang quản lý tiếp tục quản lý sử dụng.

- Về án phí:

+ Ông **Lê Hiền S** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 và án phí có giá ngạch là 2.289.000 (hai triệu hai trăm tám mươi chín nghìn) đồng, tổng cộng ông **S** phải chịu án phí là 2.589.000 (hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn) đồng, ông **S** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.548.000 (Một triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006004 ngày 07/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyên thu, ông **S** phải nộp tiếp số tiền 1.041.000 (một triệu không trăm bốn mươi một nghìn) đồng.

+ Bà **Nguyễn Thị Cẩm T** phải chịu án phí có giá ngạch với số tiền là 2.289.000 (hai triệu hai trăm tám mươi chín nghìn) đồng.

Ông **Lê Hiền S** và bà **Nguyễn Thị Cẩm T** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- UBND xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước;
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**Dư Thanh Nguyễn**